

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày: 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Thịnh

Ông Phạm Văn Hòa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/QĐXXST-HS ngày 06/9/2018, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ, sinh năm 1978, tại: Bắc Ninh; HKTT: Khu phố 1, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Ngọc V (đã chết) và Nguyễn Thị Ng; có vợ và 01 người con; tiền án, tiền sự: (không); nhân thân: Ngày 09/02/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng 08 ngày tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo bản án số 09/2018/HSST; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 17/4/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Điền N, sinh năm 1976; HKTT: Thôn Đ, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Điền N: Bà Thị Đ, sinh năm 1977 (là vợ của người bị hại); trú tại thôn Đ, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Điều N, sinh năm 1956; HKTT: Thôn Đ, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976; HKTT: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

3. Anh Võ Lê Bình M, sinh năm 1981; HKTT: Khu phố 5, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Thế H, sinh 1986; địa chỉ: Khu T huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

2. Bà Văn Thị Thu Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Khắc K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

3. Anh Điều Minh H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

4. Anh Đỗ Thanh Ph, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

5. Anh Đỗ Phú H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/12/2016, Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 93A-071.60, chở Phạm Thế H lưu thông trên đường ĐT741 theo hướng Đắc Ô – Phước Long. Khi điều khiển xe tới phần ngã tư giữa giải phân cách cố định (nơi dành cho người đi bộ và quay đầu xe) thuộc khu vực thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, Đ điều khiển xe đi lấn sang làn đường bên phải thì xảy ra va chạm với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 93H1- 023.93 do Điều N điều khiển đang đi sang đường (N điều khiển xe theo hướng Phước Long – Đắc Ô). Hậu quả N bị tử vong trên đường đi cấp cứu.

Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Khu vực xảy ra tai nạn là đoạn quay đầu xe, được chia làm hai chiều chạy riêng biệt, chiều đường bên phải hướng Đắc Ô – Phước Long có

chiều rộng 10,14m, được chia làm hai làn xe chạy bằng vạch kẻ đường không liên tục; làn đường bên trái dành cho xe ô tô, đo từ dải phân cách cố định đến vạch kẻ đường không liên tục có chiều rộng 4,08m; làn đường dành cho xe thô sơ và xe mô tô đo từ vạch kẻ đường không liên tục đến mép đường nhựa bên phải có chiều rộng 6,06m.

Hiện trường lấy trụ điện số 287 nằm ở bên trái đường theo hướng Đắc Ô – Phước Long làm điểm cố định; mép đường nhựa bên phải hướng Đắc Ô- Phước Long được chọn làm đường chuẩn; từ trụ điện số 287 đến mép đường bên phải là 26,38m.

Vị trí dấu vết hiện trường:

- Hiện trường được đánh số thứ tự: (1) vết phanh thứ nhất xe ô tô 93A-071.60, (2) vết chà xe mô tô 83H1-023.93, (3) vết phanh thứ hai xe ô tô 93A-071.60, (4) và (5) vết cày xe mô tô 93H1-023.93, (6) và (8) vết máu nạn nhân, (7) mảnh vỡ nhựa có dính máu, (9) xe ô tô 93A- 071.60, (10) xe mô tô 93H1- 023.93;

- Xe ô tô 93A- 071.60 (9) nằm ở làn đường gần với dải phân cách giữa theo hướng Đắc Ô – Phước Long, xe nằm dọc theo đường, đầu xe quay về hướng Phước Long, đuôi xe quay về hướng Đắc Ô, đầu trục trước bên phải xe cách mép đường chuẩn là 7,76m, đầu trục sau bên trái xe cách mép đường chuẩn 9,48m, đầu trục sau bên phải xe cách mép đường chuẩn là 7,96m, đầu trục sau bên trái xe cách trụ điện số 287 là 29,8m;

- Xe mô tô 93H1- 023.93 (10) nằm sát lề đường bên phải hướng Đắc Ô – Phước Long, đầu xe quay về hướng Đắc Ô, đuôi xe quay về hướng Phước Long, đầu trục trước xe cách mép đường chuẩn là 0,28m, đầu trục sau xe cách mép đường chuẩn là 0,53m, đầu trục trước xe mô tô cách đầu trục trước bên phải xe ô tô (9) là 10,02m, đầu trục sau xe mô tô cách đầu trục trước bên phải xe ô tô là 8,16m, đầu trục sau xe mô tô cách trụ điện số 287 là 40,20m;

- Vết phanh thứ nhất xe ô tô (1) nằm ở làn đường bên phải hướng Đắc Ô – Phước Long, vết phanh liên tục có kích thước 49,9m x 0,16m, đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 5,04m, đầu vết phanh cách trụ điện chuẩn là 32,62m, cuối vết phanh trùng với bánh sau bên trái xe ô tô 93A-071.60 cách mép đường chuẩn là 9,48m;

- Vết chà xe mô tô (2) có kích thước 0,55m x 0,08m, đầu vết chà cách mép đường chuẩn là 5,10m, cuối vết chà cách mép đường chuẩn 4,93m, đầu vết chà cách đầu vết phanh (1) là 13,74m và cách trụ điện chuẩn là 23,90m;

- Vết phanh thứ hai của xe ô tô (3) nằm làn đường bên phải hướng Đắc Ô – Phước Long, kích thước 35,80m x 0,16m, đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 5,17m, cuối vết phanh trùng với bánh sau bên phải xe ô tô cách mép đường chuẩn là 7,96m;

- Vết cày xe mô tô (4) nằm ở giữa đường của bên phải theo hướng Đắc Ô – Phước Long có chiều dài 33,50m, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 4,47m, cuối vết cày trùng với góc để chân trước bên trái của xe mô tô (10) và cách mép đường chuẩn 0,34m, đầu vết cày cách cuối vết chà (2) là 8,16m;

- Vết cày xe mô tô (5) nằm ở bên phải theo hướng Đắc Ô – Phước Long có chiều dài 11,48m, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 4,63m, cuối vết cày cách mép đường chuẩn 4,10m, đầu vết cày cách đầu vết phanh (3) là 9,33m;

- Vết máu nạn nhân (6) nằm gần dải phân cách bên phải theo hướng Đắc Ô – Phước Long, kích thước 0,4m x 0,06m, đầu vết máu cách mép đường chuẩn 6,54m, cuối vết máu cách mép đường chuẩn 6,57m, đầu vết máu cách đầu vết cày (5) là 7,65m;

- Mảnh vỡ bằng nhựa có dính máu (7) nằm gần dải phân cách bên phải theo hướng Đắc Ô – Phước Long, kích thước 0,55m x 0,15m, cách mép đường chuẩn 7,52m và cách cuối vết máu (6) là 12,47m;

- Vết máu nạn nhân (8) nằm gần dải phân cách bên phải theo hướng Đắc Ô – Phước Long, kích thước 0,48m x 0,18m, tâm vết máu cách mép đường chuẩn 6,90m và cách đầu trục bên phải xe ô tô là 4,45m;

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 93A-071.60; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 93H1- 023.93

Tại bản giám định pháp y số 365/2016/GĐPY ngày 07/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Điều N, sinh năm 1976, bị ngoại lực tác động gây đa chấn thương gãy xương, vỡ lách, vỡ ruột non, gãy xương khung chậu, sốc chấn thương nặng dẫn đến tử vong.

Ngày 17/4/2017, Trần Văn Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 32/CTr-VKS ngày 29-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo Đ điều khiển xe ô tô đi không đúng làn đường quy định gây tai nạn với xe mô tô do Điều N điều khiển, hậu quả N bị tử vong. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã bồi thường thiệt hại về mai táng phí, tổn thất tinh thần và mua xe mô tô mới thay xe mô tô bị hư hỏng cho gia đình bị hại, Đại diện hợp pháp của bị hại tự thỏa thuận với bị cáo về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã xử lý trả xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 93A-071.60 cho bị cáo Trần Văn Đ và trả xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 93H1- 023.93 cho gia đình của Điều N, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- Bị cáo Trần Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Điều N: Bà Thị Đ khai: Bị cáo Đ đã bồi thường 130.000.000 đồng và mua 01 xe mô tô thay xe mô tô bị hư hỏng. Tự thỏa thuận với bị cáo Đ về khoản tiền trợ cấp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Ng khai: Bị hại Điều N mượn của ông 70 triệu đồng để trả nợ, trên đường đi N bị tai nạn, Công an đã thu hồi trả cho gia đình N, ông không yêu cầu gì về số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L khai (bút lục 86, 87): Chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 93H1- 023.93 là của ông L đã bán cho Điều N, nên ông không yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Lê Bình M khai (bút lục 114): Anh M là anh em cọc chèo với Đ. Chiều 03.12.2016, Đ bận công việc nên có nhờ ông đem số tiền 50 triệu đồng đưa cho gia đình bị hại để hỗ trợ mai táng phí, ông không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

- Người làm chứng anh Phạm Thế H khai (bút lục 90-93): Khoảng 17 giờ ngày 02/12/2016, Đ gọi điện cho H rồi chạy vào quán dê Ninh Bình đón H, H ngồi ghế trước bên phải, khi đi qua đoạn đường trước nhà thờ Phú Nghĩa thì thấy 02 xe mô tô qua đường, Đ không tránh kịp nên tông thẳng vào xe thứ 2.

- Người làm chứng bà Văn Thị Thu Th khai (bút lục 96, 97): Ngày 02/12/2016, bà cùng anh H và Đ ngồi ăn ở quán dê Ninh Bình, sau đó Đ chở H đi ra Phước Long, bà Th chạy xe máy phía sau thấy xe của Đ gây tai nạn với xe mô tô.

- Người làm chứng anh Điều Minh H khai (bút lục 98-101): Ngày 02/12/2016, Điều N mang 01 thùng bia đến nhà anh H nói tí nhậu, giờ N phải đi trả tiền nợ, sau đó anh H nghe nói N bị tai nạn tử vong.

- Người làm chứng anh Đỗ Thanh Ph khai (bút lục 102 - 105): Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/12/2016, Ph thấy 01 xe mô tô xi nhan qua đường xảy ra va chạm với xe ô tô màu trắng, sau đó người trên xe ô tô xuống đưa người bị tai nạn đi cấp cứu.

- Người làm chứng anh Đỗ Phú H khai (bút lục 106-109): Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/12/2016, anh H nghe tiếng “rầm”, anh chạy ra thấy xe ô tô màu trắng gây tai nạn với xe mô tô. Sau đó người đi xe ô tô đưa người bị nạn đi cấp cứu.

- Người làm chứng anh Nguyễn Hoàng Ng khai (bút lục 112, 113): Anh N mua của Ng 01 ti vi còn nợ số tiền 3.100.000 đồng. Ngày 02/12/2016, anh Ng nghe nói anh N đi qua trả tiền cho Ng và bị tai nạn tử vong gần nhà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về áp dụng Bộ luật hình sự để xét xử: Quy định tại khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi cho người phạm tội so với khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Các quy định về căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên áp dụng các điều 50, 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]Nguyên nhân tai nạn là do bị cáo Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô đi không đúng làn đường quy định, gây tai nạn, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ Việt Nam. Lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo Đ.

[4] Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn Đ đã thực hiện hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 93A-071.60, không có giấy phép lái xe, đi không đúng làn đường quy định, vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, gây tai nạn với xe mô tô 93H1-023.93 do Điều N điều khiển, hậu quả Điều N bị tử vong.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ cũng như an toàn về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý vì cẩu thả. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tai nạn về giao thông nói chung và tai nạn về giao thông đường bộ nói riêng là hiểm họa đối với mọi người cũng như toàn xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nhiều tai nạn giao thông đó là ý thức chấp hành pháp luật về giao thông của người tham gia giao thông. Bị cáo Đ điều khiển xe mô tô gây tai nạn giao thông cũng do ý thức không chấp hành luật giao thông khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông trên đường bộ, chạy không đúng làn đường quy định gây tai nạn làm Điều N chết, để lại bao nỗi đau mất mát cho gia đình anh N mà không gì có thể bù đắp được.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, gây tai nạn làm chết một người; ngày 09/02/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng 08 ngày tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng trật tự an toàn giao thông cũng như an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Đã bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại”, “Thành khẩn khai báo”, “Tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ án”, “Đại diện gia đình bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình quy định tại các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[10] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường về tổn thất tinh thần, chi phí mai táng cho gia đình bị hại số tiền 130.000.000 đồng và mua xe mô tô thay thế xe mô tô bị hư hỏng cho bị hại, nên cần ghi nhận. Đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo tự thỏa thuận về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả cho bị cáo Đ 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 93A-071.60; trả cho gia đình bị hại N 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 93H1 - 023.93 là đúng, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015; các điều 584, 585, 586, 589, 591, 601 của Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận bị cáo Đ đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và đã mua xe mô tô thay thế xe mô tô bị hư hỏng cho gia đình bị hại.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- CA huyện Bù Gia Mập (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thoại